

Số: 146 /CV-VPC

V/v Kê khai giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Kính gửi: Cục Quản lý giá - Bộ Tài Chính

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Công ty Cổ phần Hoa tiêu hàng hải - TKV gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (có phụ lục đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Công ty Cổ phần Hoa tiêu Hàng hải - TKV xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá đã kê khai. /s/

Nơi nhận:

- Như kính gửi(b/c).
- HĐQT, BKS(b/c).
- Lưu: VT,HTHH

GIÁM ĐỐC



Trần Đạo

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 146 /CV-VPC ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty Cổ phần Hoa tiêu Hàng hải – TKV)

1. Mức giá kê khai

S TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (VAT 10%)	Mức giá kê khai mới (VAT 8%)	Mức giảm	Tỷ lệ giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa							
1.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	Đồng/GT	66,00	64,80	1,2	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324.000 đồng
1.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	Đồng/GT/HL	27,50	27,0	0,5	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 324.000 đồng
1.3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/GT/HL	27,50	27, 0	0,5	1,82%	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 540.000 đồng
1.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi theo mức như sau:	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015						- Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ; - Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban

	- Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện		Đồng/giờ/người Đồng/giờ/người và phương tiện	22.000 220.000	21.600 216.000	400 4.000	1,82% 1,82%	trong trường hợp này được tính tới thiểu là 01 giờ; - Hoa tiêu đã làm xong việc dẫn đường, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo thời gian giữ lại.
1.5	Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định	80% theo giá mới quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4			Quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định	80% theo giá mới quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3			Quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thư máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/GT/HL	110% theo giá quy định	110% mức giá mới quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4			Quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT
1.8	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/1tàu/1 lần	330.000	324.000	6.000	1,82%	Quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT
1.9	Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/GT/HL	550.000 đồng /1lượtdẫn tàu	540.000đồng /1lượtdẫn tàu	10.000	1,82%	Quy định tại điểm k, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT

2 Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế							
2.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/1 lượt dẫn tàu	44	43,2	0,8	1,82%
2.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT	0,0165	0,0162	0,0003	1,82%
2.3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau: - Dưới 10 hải lý - Từ 10 hải lý đến 30 hải lý - Trên 30 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT/HL	0,00374 0,00242 0,00165	0,003672 0,002376 0,00162	0,000068 0,000044 0,00003	1,82% 1,82% 1,82%
2.4	Trường hợp hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	11 22	10,8 21,6	0,2 0,4	1,82% 1,82%
							- Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ; - Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tới thiểu là 01 giờ; - Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi

								theo số giờ giữ lại.
2.5	Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT/HL	80% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	80% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3			Quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT
2.6	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3			Quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT
2.7	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT/HL	150% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	150% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3			Quy định tại điểm đ khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT
2.8	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm 2.4, 2.5, 2.6 và 2.7 khoản này)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3			Quy định tại điểm e khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT
2.9	Hoa tiêu đã đến vị trí nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng (có xác nhận của cảng vụ hàng hải)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD	330	324	6	1,82%	Quy định tại điểm g khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT
2.10	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người vận chuyển phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	USD/tàu/lần	33	32,4	0,6	1,82%	Quy định tại điểm h khoản 3, Điều 9 TT 54/2018/TT-BGTVT

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Công ty CP Hoa tiêu hàng hải – TKV thực hiện kê khai lại giá dịch vụ hoa tiêu không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ. Công ty thực hiện kê khai lại giá dịch vụ hoa tiêu do thuế suất thuế giá trị gia tăng thay đổi từ 10% thành 8% áp dụng từ ngày 01/07/2023 theo quy định của Nghị quyết kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV ngày 24/6/2023 về việc giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) theo Nghị quyết 43/2022 áp dụng từ ngày 01/7/2023 cho đến hết ngày 31/12/2023 và Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội. Mức giá kê khai lại (khi tách thuế VAT) vẫn nằm trong khung giá quy định tại thông tư 54/2018/TT-BGTVT ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2018 về Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

3. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

3.1. Tàu công vụ là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Thông tư này.

3.2. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải và giá dịch vụ cầu, bến, phao neo.

3.3. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dân;

3.4. Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

3.5. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

- Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, biểu giá áp dụng bằng 80% mức giá trong bảng giá.

- Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi biểu giá áp dụng bằng 50% bảng giá quy định đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo biểu giá quy định;

3.6. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

- Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 3 chuyến/1 tàu/1 tháng thì từ chuyến thứ 4 trở đi của tàu này trong tháng áp dụng giá hoa tiêu bằng 80% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ kê khai, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 300 USD.

- Tổ chức, cá nhân có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1 tháng/1 khu vực hàng hải áp dụng giá hoa tiêu bằng 50% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ kê khai, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 300 USD.

- Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời khu vực hàng hải áp dụng giá hoa tiêu bằng 40% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ kê khai, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 300 USD

- Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng mức thu giá hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

- Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách áp dụng giá hoa tiêu bằng 70% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ kê khai.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.